



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 122346

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MAU DUC
Last Middle First

Current Address: 21 DOCLAP THAPCHAM THUANHAI VIETNAM

Date of Birth: 4/1/35 Place of Birth: KONTUM

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN PRESS INFORMATION OFFICER -
(Rank & Position) CHIEF OF II CORPS - MILITARY BROADCASTING OFFICE

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/26/75 To 9/17/80
Years: 5 Months: 2 Days: 21

3. SPONSOR'S NAME: LE MAU PHUC
Name

Address and Telephone Number

Tel

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

LE MAU QUANG MINH

BROTHER

LE MAU TRUNG THU

BROTHER

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE MAU DUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGO THI PHUOC THAO	1/10/39	WIFE
LE HONG QUOC THAI	6/17/65	SON
LE MAU BAO KY	8/29/68	SON
LE HONG DONG PHUONG	6/16/70	DAUGHTER
LE MAU CHINH DONG	2/23/72	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST
TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM

P.O. BOX 1253, GARDEN GROVE, CA 92642 • TEL: (714) 894-4138

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
P171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Ordinary Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải tạo ở Việt Nam để được nhập vào Hoa Kỳ theo chương trình nhập cư thông thường.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

LÊ MAU ĐỨC

1. Name (Family name, middle, first):

(Họ và tên theo thói quen Việt Nam)

2. Sex: Male DOB: 01/4/35 Place of Birth: Kontum

(Phái)

(Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

CAPTAIN - PRESS INFORMATION OFFICER - CHIEF OF II CORPS
MILITARY BROADCASTING OFFICE AT QUI-NHON

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest:

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

JUNE 26th 1975 - HO CHI MINH CITY

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps:

(Tên địa điểm các trại giam)

Trại cải tạo số 3 Nghệ Tĩnh

3. Date of release or still in camps:

(Ngày được thả hay còn bị giam)

SEPTEMBER 19th 1980

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

Married

1. Married or single:

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Ngô Thị Phước Thảo 1939 (wife)

Lê Hồng Quốc Bảo 1965 (son) Lê Mậu Bảo Kỳ 1968 (son)

Lê Hồng Đông Phương 1970 (Daughter)

Lê Mậu Chính Đông 1972 (son)

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name:

(Họ và tên)

LE MAU PHUC

Occupation

DEALER

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee:

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

BROTHER

4. Status in USA:

(Tình trạng cư trú)

Permanent Resident ☒

U.S. Citizen ☐

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)?

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?)

Yes ☒ No ☐

Date: 2/5/90
(Ngày, tháng, năm)

Phuc Mau

Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIETNAM
A CALIFORNIA NON-PROFIT CORPORATION/138287-A501(CX3)ORGANISATION 93581168025

P.O. BOX 635, WESTMINSTER, CALIFORNIA 92684-635
TELEPHONE: (714) 894-4136

U.S.A. Ngày 12-8-89.

THÔNG - BÁO

Của

TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

- Sau nhiều năm vận-dộng để đòi hỏi giải quyết tình trạng định cư của Tù Nhân Chính-Trị/CS. và gia-đình.
- Bản Thỏa-hiệp đã được ký kết giữa Thủ-trưởng Ngoại-giao Hoa-kỳ ông ROBERT L. FUNSET và Thủ-trưởng Việt cộng Vũ-Khuan ngày 30 tháng 7 năm 1989, đồng ý cho tù nhân chính trị cộng sản Việtnam và gia đình được định cư tại Hoa-kỳ. đợt đầu tiên sẽ khởi sự vào tháng 10, 1989.
- Trước những kết quả như trên, dự luận Cộng-đồng Việt-nam trên khắp Thế-giới rất quan tâm về vấn đề này.
- Vì vậy Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Công Sản Việt Nam mong mỗi Quý đồng-hương có thân nhân là TNCTCSVN. hãy liên lạc gặp với Tổng-Hội theo Điện-thoại số (714) 894-4136, để Tổng-Hội sẽ giúp đỡ xúc-tiến những thủ tục cần thiết cho việc định cư của tù nhân chính trị/cs và gia-đình.
- Mọi dịch vụ trên Quý đồng-hương sẽ không phải trả một khoản lệ phí nào.

Sao Kính Gửi:

-Quý-vị Cơ-quan Báo-chí
và Truyền thông.

"Để xin được phổ biến rộng rãi"

-Khu Hội Cựu TNCTCSVN. Nam Cali,

-Khu Hội Cựu TNCTCSVN. Bắc Cali.

-Khu Hội Cựu TNCTCSVN. Texas

"Để phổ biến Cộng-đồng Địa-phương"

Trần Trọng

TM. HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị/CSVN.

Handwritten signature
Nguyễn Hữu



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF CAMDEN, NJ
ODP # _____
(if known)
DATE FILED 12/5/1989

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH	RELATION	ADDRESS IN VIET NAM
Le, Duc Mau	M	Kontum 4/1/1935	Brother	21 Doc Lap, Thap Cham
Ngo, Phuoc Thao Thi	F	Hue 1/10/1939	Sister-in-law	Phan Rang, Thuan Hai
Le, Quoc Thai Hong	M	Nhatrang 6/17/65	Nephew	Viet Nam
Le, Bao ky Mau	M	Ninh Thuan 8/29/68	Nephew	" " " "
Le, Dong Phuong Hong	F	Nhatrang 6/16/70	Niece	" " " "
Le, Chinh Dong Mau	M	Ninh Thuan 2/23/72	Nephew	" " " "

SECTION II:

Your name LE, PHUC MAU
(and A/K/A)

Date of birth 8/19/1948 Sex Male

Place of birth _____

(Include Country) Quang Binh, Viet Nam

Current address _____

Phone Number (home) _____

(work) _____

Country of first asylum Thailand

Date you arrived in the U.S. 03/05/1985

Social Security Number _____

Agency through which you came to the United States _____

Alien Number (if applicable) _____
A-27-370-330

Your U.S. Immigration Status

(Check one):

() U.S. Citizen

(X) Permanent Resident

() Refugee

() Asylee

() Other (Please Explain): _____

Your Original Case Number: _____

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit Yes X No. If yes, date submitted: _____
and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
LE, DUC MAU	4/01/1935 Kontum	Brother	21 Doc Lap, Thap Cham Phan Rang, Thuan Hai Viet Nam

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____ Last Title/Grade: _____

Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____

Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: Political Warfare Last Title/Grade: Captain

Name/Position of Supervisor: Lt. Colonel Le, Hoan Cong

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes ☒ No ☐ Date: From 6/26/75 to 9/17/80

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: _____ Location: _____

Type of Degree or Certificate: _____

Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single ☐ Married ☐ Male ☐ Female ☐

Full Name of the Mother: _____ Address: _____

Full Name of the U.S. Citizen Father: _____

His current address: _____

SECTION IV:

**NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES**

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

[Signature]

Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 5th day
of Dec., 19 89

[Signature]

Signature of Notary Public

My commission expires: THOMAS HENKEL

**NOTARY PUBLIC OF NEW JERSEY
MY COMMISSION EXPIRES SEPT 22, 1992**

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

NGUYEN THI HOA CATHOLIC SOCIAL SERVICES [Signature]
Print Name Legibly Signature

Agency Accredited on 10/27/1987

Representative Accredited on _____



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

DATE: 6 FEB 90

Dear Sir/Madam:

This is to acknowledge receipt of the documents/letter for
 LE DOE MAL IV 122346

	IV	
	IV	

which the ODP received on 3 JAN 90. We regret that the high volume of ODP cases and inquiries prevents our giving you a more formal response than this letter.

Please note that this is only to advise you that we have received your correspondence. It does not indicate that the file was reviewed. File review for LOI issuance is done in accordance with an established schedule of priorities. Once the review is completed, the relative or friend in the U.S. is contacted should further documents or information be needed.

If a case already has an LOI, the next steps in the processing will normally be issuance of an exit permit and an interview with representatives of the ODP in Vietnam. This part of the processing is controlled by the Vietnamese authorities. If your friends or relatives in Vietnam are made available to the ODP for interview, the sponsor in the U.S. will be informed of any actions necessary.

Please notify the ODP immediately if the Principal Applicant in Vietnam or the sponsor in the U.S. has a change of address.

Sincerely,

NA

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346 - 0001

ODP-20
(1093a: 07/89)

BỘ NỘI VỤ

-/-

trên chỉ đạo số 3
số 68./VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

trệt 3, ngày 17 tháng 9 năm 1980

GIẤY TRÉT CẤP LƯƠNG THỰC

Kính gửi: UBND 21 - Đường Trần Lập - Thập Chấm. Hu
Thước, Thuận Hải.

Họ và tên: Lê Mậu Đức sinh: 1935

Quê quán: Quảng Jong, Quảng Tây.

Trú quán: Nhà 21 đường Trần Lập, Thập Chấm, Thuận Hải.

Đã được ban ra khỏi biên giới từ ngày 17 tháng 9 năm 1980
Chúng tôi đã cấp lương thực độc ăn từ ngày 17 tháng 9 năm 1980
tính đến ngày 22 tháng 9 năm 1980. /.

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực cấp giấy quyên dịc
phương người, cứu đói chết. /.

T/M 1980 NỘI VỤ TRÉT 3



Chức vụ: Nguyễn Văn Đức

BO NOI VO

-:-

trái cải tạo số 3
số 66/vp

COMI CA NA NOI CHU TRAM VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

trên 5 ngày 1/ tháng 9 năm 1980

GIẤY TỜ 1 CÁN BỘ CÔNG CHỨC

Định gửi : UBND 21 đường Đào Lấp - Tháp Chàm. Ninh
Thuận, Thuận Hải.

Họ và tên : Lê Mậu Đức

sinh : 1935

Quê quán : Quang Trung, Quang Trị.

Trị quán : Nhà 21 đường Đào Lấp, Tháp Chàm, Ninh Thuận, Thuận Hải.

Sau được tin về khởi kiện tại : Ngày 1/ tháng 9 năm 1980
tên; tôi đã cấp lương; cấp tiền ăn từ ngày 1/ tháng 9 năm 1980
tên ngày 2/ tháng 9 năm 1980. /

Vậy cũng tại đây phòng lương thực cấp tiền gạo địa
phương; ngoài, cầu giải quyết. /

2/1



Thẩm tra: Nguyễn Văn Tư

CÔNG AN TỈNH THUYẾT HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

200

XC



BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Lê Văn Đức
Sinh năm: 1935 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 21 Độc Lập, Thuyết Hòa, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (diện 500)
Cùng đi có: 5 người
Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

Thuyết Hòa, ngày 10 tháng 11 năm 1987

Người nhận

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đô.Thành Tỉnh hay
Thành phố NINH-THUAN
Quận BUU-SON
Xã AN-SON

SỐ HIỆU 62

1

TRÍCH - LỤC

Chứng - Thư Hôn - Thú

Tên họ người chồng LE-MAU-ĐỨC
nghề - nghiệp Quân nhân
sinh ngày 01 tháng 04 năm 1935

tại Trung-Lương, Komtum

cư sở tại -nt-

tạm trú tại K.B.C 4.918

Tên họ cha chồng LE-HÔNG-CẨM
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng DUONG-THỊ-HUON
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO

nghề - nghiệp Ngi-trợ

sinh ngày 10 tháng 01 năm 1939

tại Đệ nhất Phường, Thừa-Thiên

cư sở tại Thôn Đổ-Vinh, Ninh-Thuận

tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ NGO-ĐÌNH-THIỆU (c)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRẦN-THỊ-THƯƠNG
(Sống chết phải nói)

Ngày mừng ba tháng mười một năm một ngàn
— Ngày cưới chín trâm sáu mươi bốn (03-II-1964)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

XÃ AN-SON, ngày 03 tháng II năm 1964

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

TRẦN-QUANG-DIỆU

Trần Quang Diệu
Hộ tịch Xã An Sơn
5.11.64

Phó Chủ tịch

Đinh

Nguyễn Văn Phụng

NOT RECORDED IN THIS

CHỨNG THƯ THẦY GIẤY KHAI SANH

Cần LÀ MÀ ĐÚC

Rô 6279 - Tai Sa Thám

Năm một ngàn chín trăm hết bảy ngày hai số
tháng tám (21-8-1957) giờ 10

TRƯỚC MẮT CHÚNG TÔI

TU DONG ~~Đang yêu cầu xét~~ Thẩm phán Tòa ~~Hon-giay~~ ~~Quận~~ ~~XXXXXX~~ Sơ Thẩm
Cố Ông MAI XUAN TRIET Lục-sự ngồi giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỄN

1) Phan Thuyết 45 tuổi, căn cước số 12A-003634
 ngày 3.9.1955 cấp tại HAI CHAU hiện trú Hai Châu
Đ. Hằng

2) Nguyễn Can 43 tuổi, căn cước số 14A-Q03644
 ngày 3.9.1955 cấp tại HAI CHAU biện trú Hai Châu
Bù Nồng

3) Nguyễn Hữu Học tuổi, căn cước số 18A.110454
ngày 3.9.1955 cấp tại Phước Ninh Mien trú Phước Ninh
Đà Nẵng

Các nhân chứng nói trên đều đã trưởng thành sau khi thể nói sự thật nói toàn sự thật đã lần lượt khai và chứng nhận biết đích thực :

LÊ MẠNH ĐỨC Quốc tịch Việt Nam sinh ngày Mồng một (01) tháng tư (4) năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm (1935) là con của ông Lê-Hồng-Cầm và bà Dương-thị-Huân.

Nguyên đơn LE-HONG-CAN là chủ y
 Có đích thân trình diện để xác nhận đơn xin cấp chứng thư thay giấy khai sinh
 cho LE KHU DUC đã nộp tại Phòng Lưu trữ Bản Tòa và gia đình quyết
 rằng không thể xuất trình được giấy khai sinh của LE KHU DUC
 được vì le đ hệ t hệ t hệ ch an h q u a n b i t h i e n h u y b a i b i e n c h i e n t r a n h
 Các đương sự đã được hiểu tại về điều 337 luật hình trừng phạt tội làm chứng
 giả về dân sự từ 5 tháng đến 1 năm tù và phạt bạc từ 600000 đến 2400000.
 Ghi nhận các lời tự khai trên mà các nhân chứng công nhận là đúng sự thật
 nên chiếu điều 47 Hộ luật, chúng tôi cấp chứng thư này để thay thế giấy
 khai sinh của LE KHU DUC

Sau khi nghe đọc lại bản thảo này các đương sự đã ký tên cùng chứng tỏ và Ông
Lục-sự.

NGUYÊN ĐƠN
(Kế toán)

NHÂN CHỨNG
(Đã ký tên)

LỤC SỰ
(Kể tên)

THẨM PHÁN
(Ký tên và đóng dấu)

LE HONG CAM

Phan Thuyet

Mai Xuan Triet

Tu Dong

Nguyen Can
Nguyen Huu Hoc

Luc sư Tông-án Huyên ở chùa Thiền Quang Nam Đà Nẵng
ngày 12/10/1960

Trước bạ tại Đà Nẵng

Ngày 24 . 8 . 1957

Quyển 10 từ 22 số 981

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP T. N. T. P.

Ngày 7 tháng 10 năm 1957

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

KHAI-SANH SỐ 4147

○

-NGO THI PHƯỚC THẢO-

THAT LẠC HO TỊCH

Miền-thuê

Thị-Hành Nhị-Định

Số 742-SG

Ngày 17.11.47

Trước-bạ tại NhaTrang
Ngày 6 tháng 11 năm 1957

Miền-thuê

CHU SI

Ký tên: NGUYEN VAN QUYNH

Lệ-phí bản sao Khai-sanh 5\$
N.D. số 250/TP ngày 18-7-1958

Năm một nghìn chín trăm năm 1957 đi bảy tháng mười
ngày mồng bảy hồi giờ

Chúng tôi PHAN HUY THẠCH Chánh-án Tòa
hòa-giải rộng-quyền Ninh-thuận ngồi tại văn phòng.

Có lục-sự KHA-VAN-EM giúp việc.

Đương-sự Trần-Thị-Thường 45 tuổi, căn-cước
số I2.B.0487 cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955
ngụ tại Làng Đô-Vinh, quận Bửu-sơn, tỉnh Ninh-thuận
đã đến hầu tòa và có dẫn các người chứng sau đây :

1) Trần-Chắc 41 tuổi C.C. số I6.A.0288
cấp tại Minh-Hương ngày 5.8.1955 ngụ tại Minh-Hương

2) Dương-Văn-Hỷ 38 tuổi C.C. số I9.A.0466
cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

3) Nguyễn-Đỉnh-Khánh 36 tuổi C.C. số 21.A.00281
cấp tại DRAN ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

Các người chứng đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc tên

- NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO, con gái, sinh ngày mồng -
Mười, tháng giêng, năm một nghìn chín trăm ba mươi-
chín (10-1-1939) tại Đệ Nhất Phường, tỉnh Thừa-
Thiên (HUẾ) là con của Ông NGO-DÌNH-THIỆU (chết)
và bà TRẦN-THỊ-THƯỜNG, vợ chánh.

Và duyên - có mà y không thể sao lục khai-sanh được là vì
Đệ-Nhất-Phường (Thừa-Thiên) thất lạc hồ-tịch

do thời cuộc chiến-tranh.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế
vì khai-sanh này cho người đứng xin là TRẦN THI TRƯỞNG
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi
đọc lại biên-bản này.

Lục-sự,

Chánh-án,

Ký tên: KHA-VAN-EM

Ký tên: PHAN HUY THẠCH

Đương-sự và nhân chứng ký tên

TRƯỞNG

CHẮC

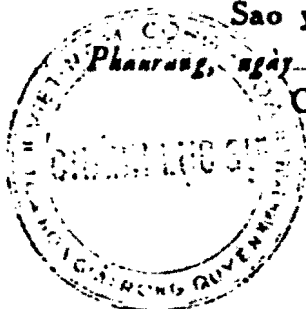
HY

KHANH

Sao y chánh bản :

Phanrang, ngày 26 tháng 6 năm 1964

Chánh-lục-sự,



-PHAN VAN QU-

Số hiệu

1238

K H A I - S I N H

TÊN HỌ ẬU - N H I L ậ - H ồ n g - C ườ c - T h ầ i

Phái Nam

Sinh Ngày mười bảy tháng sáu năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm) chín trăm sáu mươi lăm (17-6-1965)

Tại E (nh viện hộ sinh NHA-TRANG

Cha L ậ - K ậ u - Đ ắc
(Tên, họ)

Tuổi Ba mươi tuổi (30t)

Nghề-nghiep Quân nhân

Cư-trú tại K.B.C 4.918

Mẹ K ườ - T h ầ i - P h ướ c - T ườ c
(Tên, họ)

Tuổi Hai mươi sáu tuổi (26t)

Nghề-nghiep buôn bán

Cư-trú tại 52 Phước Hải (núi dài) NHA-TRANG

Vợ chánh hay vợ thứ Vợ chánh

Người khai T R ị n h - T h ầ i 9 - H ườ n g - L ậ n
(Tên, họ)

Tuổi Ba mươi tuổi (30)

Nghề-nghiep K ử h ộ s ỉ n h Q u ố c g ị a

Cư-trú tại Số 4 Hòn thuyên NHA-TRANG

Ngày khai Ngày 23 tháng 6 năm 1965

Người chứng thứ nhất
(Tên, họ) /

Tuổi /

Nghề-nghiep /

Cư-trú tại /

Người chứng thứ nhì
(Tên, họ) /

Tuổi /

Nghề-nghiep /

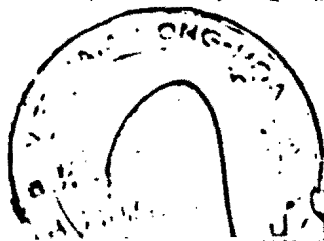
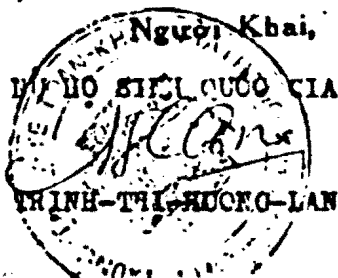
Cư-trú tại /

Làm tại Xa Nha-trung-dong ngay 23 tháng 6 năm 1965

Người Khai,

Hộ Lạ,

Nhân-Chứng.



24 tháng 6 năm 1965

TỈNH NINH-THUẬN

QUẬN ĐỒU-SƠN

XÃ AN - SƠN

Số hiệu 673

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU - NHI LÊ - MẬU - HẢO - KỲ
Phái Nam
Sanh Hai mươi chín tháng tám Nam một ngàn chín trăm sáu mươi
(Ngày, tháng, năm) tám (29 - 08 - 1968)
Tại nhà hộ sinh Thoại-Hương Thấp-Châm, Ninh-Thuận
Cha LÊ - MẬU - ĐỨC
(Tên, họ)
Tuổi ba mươi ba (33)
Nghề - nghiệp Quân nhân
Cư - trú tại KBC 3.769
Mẹ NGÔ - THỊ - PHƯỚC - THẢO
(Tên, họ)
Tuổi hai mươi chín (29)
Nghề - nghiệp buôn bán
Cư - trú tại Thôn Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ chánh hay thứ CHÁNH
Người khai LÊ - MẬU - ĐỨC
(Tên, họ)
Tuổi ba mươi ba (33)
Nghề - nghiệp Quân nhân
Cư - trú tại KBC 3.769
Ngày khai 09 - 09 - 1968
Người chứng thứ nhất ĐỖ - XINH
(Tên họ)
Tuổi ba mươi chín (39)
Nghề - nghiệp Quân nhân
Cư - trú tại KBC 4.918
Người chứng thứ nhì PHẠM - PHẠM
(Tên họ)
Tuổi ba mươi một (71)
Nghề - nghiệp làm thuê
Cư - trú tại Thôn Đáo-An, Ninh-Thuận

CÓ BẢN TẠI NHÀ SÁCH THANH-SƠN

Làm tại AN - SƠN, ngày 09 / 09 năm 1968

Người khai,
(ký tên)
LÊ - MẬU - ĐỨC

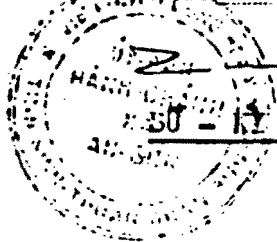
Hộ lại,
(ký tên và đóng dấu)
SỬ - KỲ - SANG

Nhân chứng,
(ký tên)
1) - ĐỖ - XINH
2) - PHẠM PHẠM

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

AN - SƠN, ngày 9 tháng 9 năm 1968

HỘ TỊCH XÃ AN - SƠN



SỬ - KỲ - SANG

NHÂN THỰC CHỮ KÝ CỦA

Ông SỬ - KỲ - SANG

Hộ tịch xã AN - SƠN

THẤP CHÂM, ngày 11 tháng 9 năm 1968

KT. QUẬN TRƯỞNG QUẬN ĐỒU-SƠN
PHÓ QUẬN-TRƯỞNG



Số hiệu :

934

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHƯ LÊ-HỒNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Phái _____ Nữ _____

Sinh ngày mười sáu, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy

Ngày, tháng, năm)

mười (16-6-1970) lúc 20g5

Tại Bảo Sơn Phước-Hải Nhatrang

Cha Lê-Hậu-Đức

(Tên, họ)

Tuổi 1935

Nghề-nghiệp Quân nhân

Cư-trú tại Kbc 4918

Mẹ Ngô-thị-Phước-Thảo

(Tên, họ)

Tuổi 1939

Nghề-nghiệp Hội trợ

Cư-trú tại 6B Trần-Nguyên-Hãn Nhatrang

Vợ chánh hay thứ Vợ chánh

Người khai Thân-Phi

(Tên, họ)

Tuổi 1934

Nghề-nghiệp Nữ-Hộ-Sinh Quốc-Gia

Cư-trú tại 62 Phước-Hải Nhatrang

Ngày khai 26 /06/1970

Người chứng thứ nhất

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

Người chứng thứ nhì

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

Làm tại Xã Nhatrang Tây

ngày 26

tháng 6

năm 1970

NGƯỜI KHAI,

HỌ TÊN

NHÂN-CHỨNG,

THÂN-PHI



KHAI

TỈNH Ninh-Thuận

QUẬN Bửu-Sơn

XÃ An-Sơn

Số hiệu-152

☞

KHAI-SANH

Tên họ ấu nhi	LÊ-MẬU-CHÍNH-LÔNG
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày hai mươi ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.02.1972)
Tại	Bệnh-Xá Tháp-Chàn
Cha (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Mẹ (tên họ)	Ngô-thị-Phước-Thảo
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề	Hội-trợ
Cư trú tại	Ấp Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Ngày khai	Ngày 10 tháng 03 năm 1972
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Phan - Mót
Tuổi	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 7012
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-dĩnh-Thọ
Tuổi	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Ấp Bảo-An, Ninh-Thuận

Làm tại Xã An-sơn ngày 10.03 năm 1972

Người khai,

Hội-lại,

Nhân chứng.

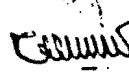
Lê-Mậu-Dức (ký tên) Từ-văn-Cường Phan-Mót (ký tên)

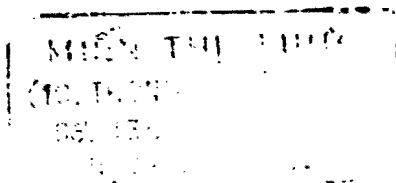
(ấn ký) Nguyễn-dĩnh-Thọ (ký tên)

//TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xã An-Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch


TỪ-VĂN-CƯỜNG



INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MẬU ĐỨC
Last (Ten họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 1ST 1935 at Kontum
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam) : X Female (Nữ) : _____

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : _____ Married (Có lập gia đình) : X
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : Lê Mậu Đức 21 ĐỘC LẬP STREET,
(Địa chỉ tại Việt-Nam) PHAN RANG THÁP CHĂM CITY, THUAN HAI PROVINCE, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) X No (Không) _____
If Yes (Nếu có) : From (Từ) : JUNE 26th 1975 To (Đến) : SEPT. 17th 1980

PLACE OF RE-EDUCATION : REEDUCATION CAMP NUMBER 3 OF INTERIOR MINISTRY AT NGHỆ TĨNH
CAMP (Trại tù) PROVINCE, VN

PROFESSION (Nghề nghiệp) : FARMER

EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ) : _____
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Captain - PIO and Chief of II Corps Military Broad
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : casting at Qui Nhơn " "
Service in RVN army : 14 years Date (năm) : 1962-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : _____
IV Number (Số hồ sơ) : _____
No (Không) : X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 5 persons (1 wife + 4 children)
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : LÊ MẬU ĐỨC
21 ĐỘC LẬP STREET, PHAN RANG THÁP CHĂM CITY, THUAN HAI PROVINCE - VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)
LÊ MẬU TRUNG THU
LÊ MẬU PHÚC

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (có) : _____ No (Không) : ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) : BROTHER

NAME & SIGNATURE : LÊ MẬU ĐỨC 21 ĐỘC LẬP STREET, PHAN RANG THÁP CHĂM CITY, THUAN HAI PROVINCE
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : _____
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người điền đơn này) VIETNAM

DATE : November 9th 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

LÊ MẬU ĐỨC

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGÔ THỊ PHƯỚC THẢO	JAN 10 th 1939	WIFE
2 LÊ HỒNG QUỐC THÁI	JUNE 17 th 1965	Son
3 LÊ MẬU BẢO KỲ	AUG 25 th 1968	Son
4 LÊ HỒNG ĐÔNG PHƯƠNG	JUNE 16 th 1970	Daughter
5 LÊ MẬU CHINH ĐÔNG	FEB. 23 th 1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Documents attached to this form:

- 1 Marriage certificate
- 5 birth certificates (of my wife and my four children, one for each person)
- 1 release certificate
- 1 Receipt of Registration for Exit-Permit from Vietnamese authorities.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đô.Thành Tỉnh hay
Thành phố NINH-THUAN
Quận BUU-SON
Xã AN-SON

SỐ HIỆU 62

❧

TRÍCH - LỤC

Chứng - Thư Hôn - Thú

Tên họ người chồng LE-MAU-ĐỨC
nghề - nghiệp Quản nhân
sinh ngày 01 tháng 04 năm 1935

tại Trung-Lương , Komtum

cư sở tại -nt-

tạm trú tại K.B.C 4.918

Tên họ cha chồng LE-HÔNG-CẨM
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng DƯƠNG-THỊ-HUON
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGO-THỊ PHƯỚC-THẢO

nghề - nghiệp Nội-trợ

sinh ngày 10 tháng 01 năm 1939

tại Đệ nhất Phường , Thừa-Thiên

cư sở tại Thôn Đổ-Vinh , Ninh-Thuận

tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ NGO-ĐÌNH-THIỆU (c)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRẦN-THỊ-THƯƠNG
(Sống chết phải nói)

Ngày mừng ba tháng mười một năm một ngàn
— Ngày cưới chín trăm sáu mươi bốn (03-II-1964)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

XÃ AN-SON , ngày 03 tháng II năm 1964

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

TRẦN-QUANG-DIỆU

Chân quang Diên
Hộ tịch Xã An-Son
tiên
5 tháng 11 năm 1964

Phó Chủ tịch

Đạt

Nguyễn Phú - Nhung

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỞ TƯ - PHÁP T. N. T. P.
Ngày 7 tháng 10 năm 1957
CHỨNG CHỈ THAY GIẤY
KHAI-SANH SỐ 4147

⊙

-NGO THI PHƯỚC THẢO-

THAT LAC HO TICH
Miễn-thuế
Thi-Hành Nghi-Định
Số 742-SG
Ngày 17.II.47

Trước-bạ tại Phanrang
Ngày 7 tháng 10 năm 1957

Miễn-thuế

CHU 31

Ký tên: NGUYEN VAN QUYNH

Lệ-phí bản sao Khai-sanh 5\$
N.D. số 236/TP ngày 18-7-1958

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng mười
ngày mồng bảy hồi giờ
Chúng tôi PHAN HUY THACH Chánh-án Tòa
hòa-giải rộng-quyền Ninh-thuận ngồi tại văn phòng.

Có lục-sự KHA-VAN-EM giúp việc.
Đương-sự Trần-Thị-Thường 45 tuổi, căn-cước
số I2.B.0487 cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955
ngụ tại Lũng Đô-Vinh, quận Bùn-sơn, tỉnh Ninh-thuận
đã đến hầu tòa và có dẫn các người chứng sau đây :

1) Trần-Chắc 41 tuổi C.C. số I6.A.0288
cấp tại Minh-Hương ngày 5.8.1955 ngụ tại Minh-Hương
2) Dương-Văn-Hỷ 38 tuổi C.C. số I9.A.0466
cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh
3) Nguyễn-Đĩnh-Khánh 36 tuổi C.C. số 21.A.00281
cấp tại PHAN ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

Các người chứng đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc tên

- NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO, con gái, sinh ngày mồng -
mười, tháng giêng, năm một nghìn chín trăm ba mươi -
chín (10-I-1939) tại Đệ Nhất Phường, tỉnh Thừa-
Thiên (HUẾ) là con của Ông NGO-DÌNH-THIỆU (chết)
và bà TRẦN-THỊ-THƯỜNG, vợ chánh.

Và duyên - có mà y không thể sao lục khai-sanh được là vì
Đệ-Nhất-Phường (Thừa-Thiên) thất lạc hồ-tích

do thời cuộc chiến-tranh.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế
vì khai-sanh này cho người đứng xin là TRẦN THI TRƯỞNG
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi
đọc lại biên-bản này.

Lục-sự,

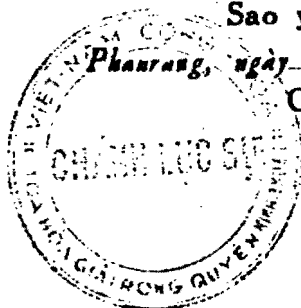
Chánh-án,

Ký tên : KHA-VAN-EM Ký tên : PHAN HUY THACH
Đương-sự và nhân chứng ký tên

TRUONG CHAC HY KHANH

Sao y chánh bản :

Phanrang, ngày 26 tháng 6 năm 1964
Chánh-lục-sự,



-PHAN VAN QUÊ-

Số hiệu

1238

KHAI-SINH

TÊN HỌ ẤU-NHI	LE - HỒNG - QUỐC - THÀI
Phái	Nam
Sanh	Ngày mười bảy tháng sáu năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi lăm (17-6-1965)
Tại	Bệnh viện hộ sinh NHA-TRANG
Cha	LE - MẬU - ĐỨC
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi (30t)
Nghề-nghiep	Quân nhân
Cư-trú tại	K.B.C 4.918
Mẹ	NGO - THỊ - PHƯỚC - THẢO
(Tên, họ)	
Tuổi	Hai mươi sáu tuổi (26t)
Nghề-nghiep	Buôn bán
Cư-trú tại	52 Phước hải (nối dài) NHA TRANG
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh
Người khai	TRINH - THỊ - HUONG - LAN
(Tên, họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi (30)
Nghề-nghiep	Nữ hộ sinh Quốc gia
Cư-trú tại	Số 4 Hòn thuyền NHA TRANG
Ngày khai	Ngày 23 tháng 6 năm 1965
Người chứng thứ nhất	
(Tên, họ)	/
Tuổi	
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	/
Người chứng thứ nhì	
(Tên, họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	

Làm tại Xã

Nha trang đông

ngày 23

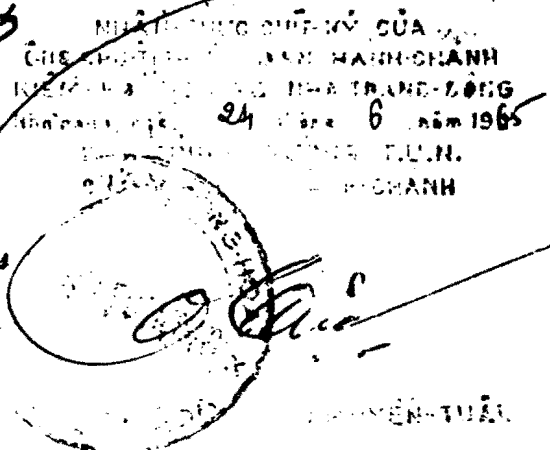
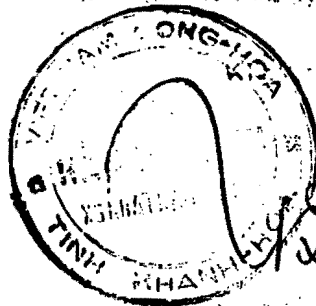
tháng 6

năm 1965

Người Khai,

Hộ Lai,

Nhân Chứng.



TỈNH NINH-THUẬN
QUẬN BƯU-SƠN
XÃ AN - SƠN

KHAI - SANH

Số hiệu 673

TÊN HỌ ẤU - NHI	<u>LÊ - MẬU - KỲ</u>
Phái	<u>Nam</u>
Sanh	<u>Hai mươi chín tháng tám Nam một ngàn chín trăm sáu mươi</u> (Ngày, tháng, năm) <u>tám (29 - 08 - 1968)</u>
Tại	<u>nhà hộ sinh Thoại-Hương Thấp-Châm, Ninh-Thuận</u>
Cha	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Mẹ	<u>NGÔ - THỊ - PHƯỚC - THẢO</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>hai mươi chín (29)</u>
Nghề - nghiệp	<u>buôn bán</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Đô-Vinh, Ninh-Thuận</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>CHÁNH</u>
Người khai	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Ngày khai	<u>09 - 09 - 1968</u>
Người chứng thứ nhất	<u>ĐỖ - XINH</u> (Tên họ)
Tuổi	<u>ba mươi chín (39)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 4.918</u>
Người chứng thứ nhì	<u>PHẠM - PHẠM</u> (Tên họ)
Tuổi	<u>ba mươi mốt (71)</u>
Nghề - nghiệp	<u>làm thuê</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Bắc-An, Ninh-Thuận</u>

CÓ BẢN TẠI NHÀ SÁCH THANH-SƠN

Làm tại AN - SƠN, ngày 09 / 09 năm 1968

Người khai,
(ký tên)
LÊ - MẬU - ĐỨC

Hộ lại,
(ký tên và đóng dấu)
SỬ - KỲ - SANG

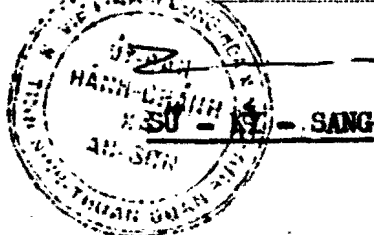
Nhân chứng,
(ký tên)

- 1) - ĐỖ - XINH
- 2) - PHẠM PHẠM

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

AN - SƠN, ngày 9 tháng 9 năm 1968

HỘ TỊCH XÃ AN - SƠN



NHẬN THỰC CHỮ KÝ CỦA

Ông SỬ - KỲ - SANG

Hộ tịch xã AN - SƠN

THẤP CHÂM, ngày 11 tháng 9 năm 1968

KT. QUẬN TRƯỞNG QUẬN BƯU-SƠN
PHÓ QUẬN-TRƯỞNG



Quân nhân

Số hiệu :

934

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHÌ LÊ-HỒNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Phái Nữ

Sanh Ngày mười sáu, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy

Ngày, tháng, năm)

mười (16-6-1970) lúc 20g5

Tại Bảo Sanh Phước-Hải Nhatrang

Cha Lê-Mậu-Đức

(Tên, họ)

Tuổi 1935

Nghề-nghiệp Quân nhân

Cư-trú tại Kbc 4918

Mẹ Ngô-thị-Phước-Thảo

(Tên, họ)

Tuổi 1939

Nghề-nghiệp Nội trợ

Cư-trú tại 6B Trần-Nguyên-Hãn Nhatrang

Vợ chánh hay thứ Vợ chánh

Người khai Thân-Phi

(Tên, họ)

Tuổi 1934

Nghề-nghiệp Nữ-Hộ-Sinh Quốc-Gia

Cư-trú tại 62 Phước-Hải Nhatrang

Ngày khai 26 /06/1970

Người chứng thứ nhất /

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp /

Cư-trú tại /

Người chứng thứ nhì /

(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp /

Cư-trú tại /

Làm tại Xã Nhatrang Tây, ngày 26 tháng 6 năm 1970

NGƯỜI KHAI

THÂN-PHI

THÂN-PHI

HỌ TÊN

NHÂN-CHỨNG,



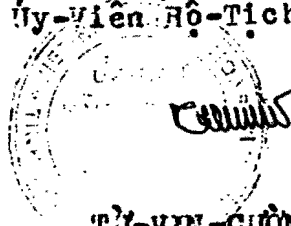
TỈNH Ninh-Thuận
QUẬN Bửu-Sơn
Xã An-Sơn
Số hiệu 152

KHAI-SANH

Tên họ ấu nhi	LÊ-MẬU-CHÍNH-ĐÔNG
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày hai mươi ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.02.1972)
Tại	Bệnh-Xá Tháp-Chàm
Cha (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Mẹ (tên họ)	Ngô-thị-Phước-Thảo
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Ấp Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Ngày khai	Ngày 10 tháng 03 năm 1972
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Phan - Mót
Tuổi	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 7012
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-dinh-Thọ
Tuổi	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Ấp Bảo-An, Ninh-Thuận

Làm tại Xã An-sơn ngày 10 . 03 năm 1972

Người khai,	Hộ-lai,	Nhân chứng,
Lê-Mậu-Dức (ký tên)	Tử-văn-Cường	Phan-Mót (ký tên)
	(ấn ký)	Nguyễn-dinh-Thọ (ký tên)

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH
Xã An-Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 1972
Ủy-viên Hộ-Tịch

TỶ-VĂN-CƯỜNG

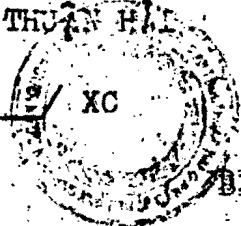
MIỄN THU THUỐC
(T.C. THUỐC)
03.03.72

CÔNG AN TỈNH THUAN HAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 200 / XC



DIỄN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Lê Xuân Đức
Sinh năm: 1935 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 21 Độc Lập, Tháp Chàm, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (diện SQ cũ)
Cùng đi có: Singhi

Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

I huân hải, ngày 10 tháng 11 năm 1988

Người nhận

Đã ký

trái cải tạo số 3
số 68.VP

trước 5, ngày 17 tháng 9 năm 1980
GIẤY TRÁI CẢI TẠO THỰC

Kính gửi : UBND 21 - Đường Đào Lấp - Thập Chấm. Ninh
Thuận, Miền Bắc.

Họ và tên : Lê Mậu Đức sinh : 1935

quê quán : Quang Trung, Quang Trị.

trú quán : Nhà 21 Đường Đào Lấp, Thập Chấm, Ninh Thuận, Miền Bắc.

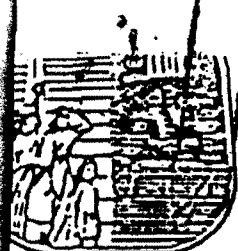
Nay được thả ra khỏi trại cải tạo ngày 17 tháng 9 năm 1980
Chúng tôi đã cấp lương gạo đủ ăn từ ngày 17 tháng 9 năm 80
đến ngày 23 tháng 9 năm 1980. /.

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực quản lý quyền địa
phương giải quyết. /.

T/M ĐẠO ĐOÀN TÁI 3



Chữ ký : Nguyễn Văn Tài



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION, /

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LE MAU ĐỨC
Last Middle First

Current Address 21 ĐỘC LẬP PHANRANG THÁP CHÀM THUẬN HẢI VN

Date of Birth APRIL 1st 1935 Place of Birth KONTUM

Previous Occupation (before 1975) Captain - Press information officer and chief of II Corps military Broadcasting at Qui Nhon.
(Rank & Position) (military serial number: 55/104.613.)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE 26th 1975 To SEPTEMBER 17th 1980

SPONSOR'S NAME: LE MAU TRUNG THU
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>Lê mau Trung Thu.</u>	<u>Brother</u>
<u>Lê mau Phúc.</u>	<u>Brother</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODF criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: November 9th 1989

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MÃU ĐỨC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten o)
DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 1st 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : _____
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM CITY, THUAN HAI
(Dia chi tai Viet-Nam) VIỆT NAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) : _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : JUNE 26th 1975 To (Den) : SEPT 1
PLACE OF RE-EDUCATION: RE-EDUCATION CAMP NUMBER 3 OF INTERIOR MINISTRY
CAMP (Trai tu) AT NGHỆ TĨNH PROVINCE
PROFESSION (Nghe nghiep) : FARMER
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Captain - PIO and chief of II Corps
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Broadcasting at Qui
Service in RVN Army: 14 years Date (nam) : 1962
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 5 persons (1 wife + 4 children)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : LÊ MÃU ĐỨC
21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM CITY, THUAN HAI PROVINCE
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao) :
LÊ MÃU TRUNG THU
LÊ MÃU PHÚC
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : ✓
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Brother
NAME & SIGNATURE: LÊ MÃU ĐỨC 21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT THUAN HAI PROVINCE
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) [Signature]
DATE: November 9th 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

LÊ MẬU ĐỨC

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGÔ THỊ PHƯỚC THẢO	JAN 10 th 1939	Wife
2. LÊ HỒNG QUỐC THÁI	JUNE 11 th 1965	Son
3. LÊ MẬU BẢO KỶ	AUG 29 th 1968	Son
4. LÊ HỒNG ĐÔNG PHƯƠNG	JUNE 16 th 1970	Daughter
5. LÊ MẬU CHINH DÔNG	FEB 23 th 1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Documents attached to this form -

- 1 Marriage certificate
- 5 birth certificate (of my wife and my four children one for each person)
- 1 Release certificate
- 1 Receipt of Registration for exit Permit from Vietnamese authorities

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đô.Thành Tỉnh hay
Thành phố NINH-THUAN
Quận BUU-SON
Xã AN-SON

SỐ HIỆU 62
8

TRÍCH - LỤC
Chứng - Thư Hôn - Thú

Tên họ người chồng LE-MAU-ĐỨC
nghề - nghiệp Quản nhân
sinh ngày 01 tháng 04 năm 1935

tại Trung-Lương, Komtum

cư sở tại -nt-

tạm trú tại K.B.C 4.918

Tên họ cha chồng LE-HÔNG-CẨM
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng DƯƠNG-THỊ-HUON
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO

nghề - nghiệp Ngì-trợ

sinh ngày 10 tháng 01 năm 1939

tại Đệ nhất Phường, Thừa-Thiên

cư sở tại Thôn Đổ-Vinh, Ninh-Thuan

tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ NGO-ĐÌNH-THIỆU (c)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRẦN-THỊ-THƯƠNG
(Sống chết phải nói)

Ngày mừng ba tháng mười một năm một ngàn
— Ngày cưới chín trăm sáu mươi bốn (03-II-1964)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

XÃ AN-SON, ngày 03 tháng II năm 1964

Trên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

TRẦN-QUANG-DIỆU

Trần Quang Diêu
Hộ tịch xã An Sơn
trên
5 tháng 11 năm 64

Phó Đoàn trưởng

Đã

Nguyễn Phú - Phụng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỞ TƯ - PHÁP T. N. T. P.
Ngày 7 tháng 10 năm 1957
CHỨNG CHỈ THAY GIẤY
KHAI-SANH SỐ 4147

NGO THI PHƯỚC THẢO

THAT LẠC HO TỊCH
Miễn-thuế
Thi-Hành Nehi-Định
Số 742-SG
Ngày 17.11.47

Trước-bạ tại Phanrang
Ngày / tháng / năm 1957
Miễn-thuế
CHU SI
Ký tên: NGUYEN VAN QUYNH

Lệ-phí bản sao Khai-sanh 5\$
N.D. số 256/TP ngày 18-7-1958

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng mười
ngày mồng bảy hồi giờ
Chúng tôi PHAN HUY THẠCH Chánh-án Tòa
hòa-giải rộng-quyền Ninh-thuận ngồi tại văn phòng.
Có lục-sự KHA-VAN-EM giúp việc.
Đương-sự Trần-Thị-Thường 45 tuổi, căn-cước
số 12.B.0487 cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955
ngụ tại Làng Đô-Vinh, quận Bửu-sơn, tỉnh Ninh-thuận
đã đến hầu tòa và có dẫn các người chứng sau đây :
1) Trần-Chắc 41 tuổi C.C. số 16.A.0288
cấp tại Minh-Hương ngày 5.8.1955 ngụ tại Minh-Hương
2) Dương-Văn-Hỷ 38 tuổi C.C. số 19.A.0466
cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh
3) Nguyễn-Đỉnh-Khánh 36 tuổi C.C. số 21.A.00281
cấp tại ĐRAN ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh
Các người chứng đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc tên

- NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO, con gái, sinh ngày mồng -
Mười, tháng giêng, năm một nghìn chín trăm ba mươi -
chín (10-1-1939) tại Đệ Nhất Phường, tỉnh Thừa-
Thiên (HUẾ) là con của Ông NGO-DÌNH-THIỆU (chết)
và bà TRẦN-THỊ-THƯỜNG, vợ chánh.

Và duyên - có mà y không thể sao lục khai-sanh được là vì
Đệ-Nhất-Phường (Thừa-Thiên) thất lạc hồ-tịch
do thời cuộc chiến-tranh.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế
vì khai-sanh này cho người đứng xin là TRẦN THI TRƯỞNG
chiều theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi
đọc lại biên-bản này.

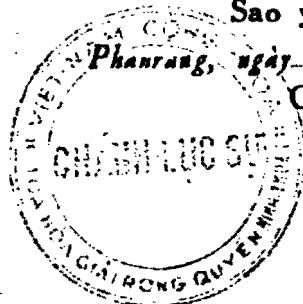
Lục-sự,

Chánh-án,

Ký tên : KHA-VAN-EM Ký tên : PHAN HUY THẠCH
Đương-sự và nhân chứng ký tên

TRƯỞNG CHẠC HY KHANH

Sao y chánh bản :



Chánh-lục-sự,

-PHAN VAN QUÊ-

Số hiệu

1238

KHAI-SINH

TÊN HỌ ÁU-NHI LE - HỒNG - QUỐC - THÀI
Phái Nam
Sanh Ngày mười bảy tháng sáu năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm) chín trăm sáu mươi lăm (17-6-1965)
Tại Bệnh viện hộ sinh NHA-TRANG
Cha LE - MẬU - ĐỨC
(Tên họ)
Tuổi Ba mươi tuổi (30t)
Nghề-nghiep Quân nhân
Cư-trú tại K.B.C 4.918
Mẹ NGO - THỊ - PHƯỚC - THẢO
(Tên, họ)
Tuổi Hai mươi sáu tuổi (26t)
Nghề-nghiep Buôn bán
Cư-trú tại 52 Phước hải (nối dài) NHA TRANG
Vợ chánh hay vợ thứ Vợ chánh
Người khai TRINH - THỊ - HUONG - LAN
(Tên, họ)
Tuổi Ba mươi tuổi (30)
Nghề-nghiep Nữ hộ sinh Quốc gia
Cư-trú tại Số 4 Hòn thuyền NHA TRANG
Ngày khai Ngày 23 tháng 6 năm 1965
Người chứng thứ nhất
(Tên, họ) /
Tuổi /
Nghề-nghiep /
Cư-trú tại /
Người chứng thứ nhì
(Tên, họ) /
Tuổi /
Nghề-nghiep /
Cư-trú tại /

Làm tại Xã

Nha trang đông

ngày 23

tháng 6

năm 1965

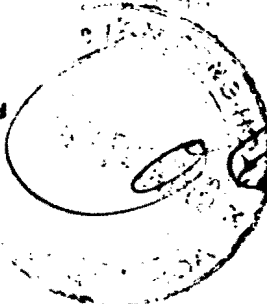
Người Khai,

Hộ Lợi,

Nhân-Chứng,



NIỆT QUỐC DƯỠNG VỸ CỦA
CHỦ QUẢN LÝ Y TẾ HẠNH CHANH
MẪU KHAI SINH TẠI NHA TRANG-ĐÔNG
Tháng 6 năm 1965
24/6/65
HÀNH CHANH



KHAI - SANH

KT. QUẬN TRƯỞNG QUẬN BƯU-SƠN
PHÓ QUẬN-TRƯỞNG

Số hiệu :

934

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHI LÊ-HỒNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Phái Nữ

Sanh Ngày mười sáu, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy
Ngày, tháng, năm)

mười (16-6-1970) lúc 20g5

Tại Bảo Sanh Phước-Hải Nhatrang

Cha Lê-Mậu-Đức
(Tên, họ)

Tuổi 1935

Nghề-nghiệp Quân nhân

Cư-trú tại Kbc 4918

Mẹ Ngô-thị-Phước-Thảo
(Tên, họ)

Tuổi 1939

Nghề-nghiệp Nội trợ

Cư-trú tại 6B Trần-Nguyên-Hãn Nhatrang

Vợ chánh hay thứ Vợ chánh

Người khai Thân-Phi
(Tên, họ)

Tuổi 1934

Nghề-nghiệp Nữ-Hộ-Sinh Quốc-Gia

Cư-trú tại 62 Phước-Hải Nhatrang

Ngày khai 26 /06/1970

Người chứng thứ nhất
(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

Người chứng thứ nhì
(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiệp

Cư-trú tại

Làm tại Xã Nhatrang Tây

ngày 26

tháng 6

năm 1970

NGƯỜI KHAI

HỌ TÊN

NHÂN - CHỨNG,

THÂN - PHI



ANH

TỈNH Ninh-Thuận

QUẬN Bửu-Sơn

XÃ An-Sơn

Số hiệu 152

☞

KHAI-SANH

Tên họ ấu nhi	LÊ-MẬU-CHÍNH-ĐÔNG
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày hai mươi ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.02.1972)
Tại	Bệnh-Xá Tháp-Chàm
Cha (tên họ)	Lê-Mậu-Đức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Mẹ (tên họ)	Ngô-thị-Phước-Thảo
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Ấp Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai (tên họ)	Lê-Mậu-Đức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Ngày khai	Ngày 10 tháng 03 năm 1972
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Phan - Mót
Tuổi	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 7012
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-dinh-Thọ
Tuổi	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Ấp Bão-An, Ninh-Thuận

Làm tại Xã An-sơn ngày 10 . 03 năm 1972

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân chứng,

Lê-Mậu-Đức (ký tên)

Tử-văn-Cường

Phan-Mót (ký tên)

(ấn ký)

Nguyễn-dinh-Thọ (ký tên)

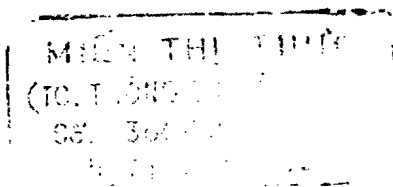
TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xã An-Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 1972

Ủy-viên Hộ-Tịch



TỬ-VĂN-CƯỜNG

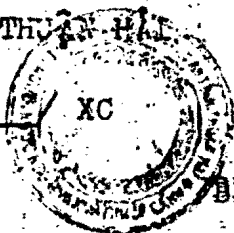


CÔNG AN TỈNH THUAN HAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 200 / XC



DIỄN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: *Lê Văn Đức*
Sinh năm: *1935* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Địa chỉ thường trú: *21 Độc Lập, Tháp Chàm, Phan Rang*
Xin xuất cảnh đến nước: *Mỹ (diện 60 cũ)*
Cùng đi có: *5 người*

Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

T. huân hải, ngày *10* tháng *11* năm *1988*

Người nhận

[Signature]

ĐO VỚI VU

-s-

trái cải tạo số 3
số 68./VP

COMI CA RA DOL CHU NGUA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 2. tháng 12 tháng 9 năm 1980

GIẤY CHAI CEB INOIA THUC

Kính gửi : UBND 21. đường Phố Lấp - Tháp Chàm. Ninh
Thuận, Miền Bắc.

Họ và tên : LÊ MẬU ĐỨC sinh : 1935

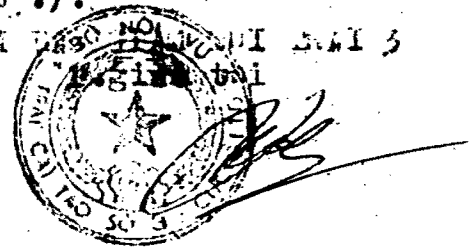
Quê quán : Quang Trung, Quang Trị.

Trú quán : Nhà 21 đường Phố Lấp, Tháp Chàm, Ninh Thuận, Miền Bắc.

Nay được thả ra khỏi trại cải tạo ngày 12 tháng 9 năm 1980
Chúng tôi đã cấp lương; tạo điều kiện từ ngày 12 tháng 9 năm 1980
đến ngày 23 tháng 9 năm 1980.1.

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực cấp giấy quyền địa
phương người, cứu giải quyết.1.

T/M UBND 21. đường Phố Lấp 21/3



Chữ ký: Nguyễn Văn Tú



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION, /

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV # _____

VEWL # _____

I-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LÊ MẬU ĐỨC
Last Middle First

Current Address 21 ĐỘC LẬP PHAN RANG THÁP CHÀM THUẬN HẢI VN

Date of Birth APRIL 1st 1935 Place of Birth KONTUM

Previous Occupation (before 1975) Captain - Press information officer and chief of II Corps military broadcasting at Qui Nhon.
(Rank & Position) (military serial number: 55/104.613)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE 26th 1975 To SEPTEMBER 17th 1980

SPONSOR'S NAME: LÊ MẬU TRUNG THU
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>Lê Mậu Trung Thu</u>	<u>Brother</u>
<u>Lê Mậu Phúc</u>	<u>Brother</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: November 9th 1989

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MẬU ĐỨC
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 1st 1935 at KONTUM
 (Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
 MARITAL STATUS Single (Độc thân) : _____ Married (Có lập gia đình) : X
 (Tình trạng gia đình)
 ADDRESS IN VIETNAM : 21 ĐỘC LẬP PHANRANG THÁP CHÀM THUẬN HẢI VN
 (Địa chỉ tại Việt-Nam)
 POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) X No (Không)
 If Yes (Nếu có) : From (Từ) JUNE 26th 1975 To (Đến) : SEPT 17th 1978
 PLACE OF RE-EDUCATION : RE-EDUCATION CAMP NUMBER 3 OF INTERIOR MINISTRY AT NGHỆ TINH
 CAMP (Trại tù) PROVINCE
 PROFESSION (Nghề nghiệp) : FARMER
 EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ) : _____
 VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Captain - PIO and Chief of II Corps military broa
 VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : casting at Qui Nhơn
Service in RVN Army 14 years Date (năm) : 1962 - 1975
 APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : _____
 IV Number (Số hồ sơ) : _____
 No (Không) : X
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 5 persons (1 wife + 4 children
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chỉ
 MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : LÊ MẬU ĐỨC
21 ĐỘC LẬP PHANRANG THÁP CHÀM THUẬN HẢI VIỆT NAM
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ
Lê Mậu Trung Thu
Lê Mậu Phúc
 U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (có) : _____ No (Không) : _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) : Brother
 NAME & SIGNATURE : LÊ MẬU ĐỨC 21 Độc Lập Street, PHANRANG THÁP CHÀM
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) CITY,
THUẬN HẢI PROVINCE. VIỆT NAM. UNK
 DATE : November 9th 1989
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MẬU ĐỨC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 Ngô Thị PHƯỚC THẢO	JAN 10 th 1939	Wife
2 LÊ HỒNG QUỐC THÁI	JUNE 17 th 1965	Son
3 LÊ MẬU BẢO KỲ	AUG 25 th 1968	Son
4 LÊ HỒNG ĐÔNG PHƯƠNG	JUNE 15 th 1970	Daughter
5 LÊ MẬU CHINH ĐÔNG	FEB 23 th 1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Documents attached to this form :

- 1 Marriage certificate
- 5 Birth certificates (of my wife and my four children - One for each person)
- 1 Release certificate
- 1 Receipt of Registration for Exit Permit from Vietnamese authorities

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đô.Thành Tỉnh hay
Thành phố NINH-THUAN
Quận BUU-SON
Xã AN-SON

SỐ HIỆU 62

TRÍCH - LỤC

Chứng - Thư Hôn - Thú

Tên họ người chồng LE-MAU-DUC
nghề - nghiệp Quân nhân
sinh ngày 01 tháng 04 năm 1935

tại Trung-Luong, Kontum
cư sở tại -nt-
tạm trú tại K.B.C 4.918

Tên họ cha chồng LE-HONG-CAM
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng DUONG-THI-HUON
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGO-THI PHUOC-THAO
nghề - nghiệp Nội-trợ
sinh ngày 10 tháng 01 năm 1939

tại Đệ nhất Phường, Thừa-Thiên
cư sở tại Thôn Đổ-Vinh, Ninh-Thuan
tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ NGO-DINH-THIEU (c)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRAN-THI-THUONG
(Sống chết phải nói)

Ngày mùng ba tháng mười một năm một ngàn
— Ngày cưới chín trăm sáu mươi bốn (03-II-1964)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế /
ngày / tháng / năm /
tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

XÃ AN-SON, ngày 03 tháng II năm 1964

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

TRAN-QUANG-DIEU

Trần Quang Diệu
Hộ tịch xã An Sơn
5/11/64

Phó Đoàn Trưởng
Đoàn phó - Phung

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP T. N. T. P.

Ngày 7 tháng 10 năm 1957

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

KHAI-SANH SỐ 4147

©

-NGO THI PHƯỚC THẢO-

THAT LẠC HỒ TỊCH

Miền-thuê

Thị-Hành Nghị-Định

Số 742-SG

Ngày 17.11.47

Trước-bạ tại Phanrang

Ngày 6 tháng 11 năm 1957

Miền-thuê

CHU SI

Ký tên: NGUYEN VAN QUYNH

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng mười
ngày mồng bảy hồi giờ

Chúng tôi PHAN HUY THẠCH Chánh-án Tòa
hòa-giải rộng-quyền Ninh-thuận ngồi tại văn phòng.

Có lục-sự KHA-VAN-EM giúp việc.

Đương-sự Trần-Thị-Thường 45 tuổi, căn-cước

số I2.B.0487 cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955

ngụ tại Làng Đô-Vinh, quận Bửu-sơn, tỉnh Ninh-thuận

đã đến hầu tòa và có đến các người chứng sau đây :

1) Trần-Chắc 41 tuổi C.C. số I6.A.0288

cấp tại Minh-Hương ngày 5.8.1955 ngụ tại Minh-Hương

2) Dương-Văn-Hỷ 38 tuổi C.C. số I9.A.0466

cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

3) Nguyễn-Đỉnh-Khánh 36 tuổi C.C. số 21.A.00281

cấp tại ĐRAN ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

Các người chứng đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc tên

- NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO, con gái, sinh ngày mồng -
mười, tháng giêng, năm một nghìn chín trăm ba mươi-
chín (10-1-1939) tại Đô Nhất Phường, tỉnh Thừa-
Thiên (HUẾ) là con của Ông NGO-ĐÌNH-THIỆU (chết)
và bà TRẦN-THỊ-THƯỜNG, vợ chánh.

Và duyên - có mà y không thể sao lục khai-sanh được là vì
Đô-Nhất-Phường (Thừa-Thiên) thất lạc hồ-tịch

do thời cuộc chiến-tranh.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế
vì khai-sanh này cho người đứng xin là TRẦN-THỊ-TRƯỜNG
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi
đọc tại biên-bản này.

Lục-sự,

Chánh-án,

Ký tên : KHA-VAN-EM

Ký tên : PHAN HUY THẠCH

Đương-sự và nhân chứng ký tên

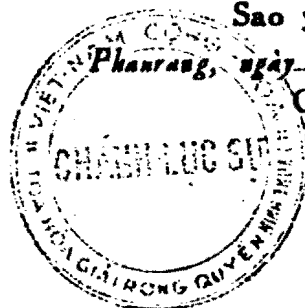
TRƯỜNG

CHẠC

HY

KHUANH

Sao y chánh bản :



Lệ-phí bản sao Khai-sanh 5\$

N.D. số 236/IP ngày 18-7-1958

Chánh-lục-sự,

-PHAN VAN QUÊ-

TỈNH NINH-THUẬN
QUẬN ĐU-SƠN
XÃ AN - SƠN

KHAI - SANH

Số hiệu 673

TÊN HỌ ẤU - NHI	<u>LÊ - MẬU - KỲ</u>
Phái	<u>Nam</u>
Sinh	<u>Hai mươi chín tháng tám Nam một ngàn chín trăm sáu mươi</u> (Ngày, tháng, năm) <u>tám (29 - 08 - 1968)</u>
Tại	<u>nhà hộ sinh Thạc-Hương Thấp-Châm, Ninh-Thuận</u>
Cha	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Mẹ	<u>NGÔ - THỊ - PHƯỚC - THẢO</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>hai mươi chín (29)</u>
Nghề - nghiệp	<u>buôn bán</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Đô-Vinh, Ninh-Thuận</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>CHÁNH</u>
Người khai	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u> (Tên, họ)
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Ngày khai	<u>09 - 09 - 1968</u>
Người chứng thứ nhất	<u>ĐỖ - XINH</u> (Tên họ)
Tuổi	<u>ba mươi chín (39)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 4.918</u>
Người chứng thứ nhì	<u>PHẠM - PHẠM</u> (Tên họ)
Tuổi	<u>ba mươi mốt (71)</u>
Nghề - nghiệp	<u>làm thuê</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Bão-An, Ninh-Thuận</u>

CÓ BẢN TẠI NHÀ SÁCH THANH-SƠN

Làm tại AN - SƠN, ngày 09 / 09 năm 1968

Người khai,
(ký tên)
LÊ - MẬU - ĐỨC

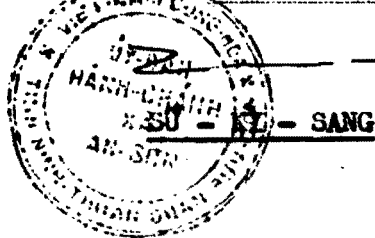
Hộ lại,
(ký tên và đóng dấu)
SỬ - KỲ - SANG

Nhân chứng,
(ký tên)
1) - ĐỖ - XINH
2) - PHẠM PHẠM

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

AN - SƠN, ngày 9 tháng 9 năm 1968

HỘ TỊCH XÃ AN - SƠN



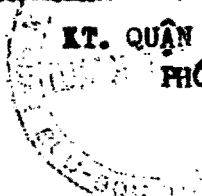
NHẬN THỰC CHỮ KÝ CỦA

Ông SỬ - KỲ - SANG

Hộ tịch xã AN - SƠN

THẤP CHÂM, ngày 11 tháng 9 năm 1968

KT. QUẬN TRƯỞNG QUẬN ĐU-SƠN
PHÓ QUẬN TRƯỞNG



Số hiệu :

934

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHL LÊ-HỒNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Phái Nữ

Sanh Ngày mười sáu, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy
Ngày, tháng, năm)

mười (16-6-1970) lúc 20g5

Tại Bảo Sanh Phước-Hải Nhatrang

Cha Lê-Hậu-Đức
(Tên, họ)

Tuổi 1935

Nghề-nghiep Quân nhân

Cư-trú tại Kbc 4918

Mẹ Ngô-thị-Phước-Thảo
(Tên, họ)

Tuổi 1939

Nghề-nghiep Nội trợ

Cư-trú tại 6B Trần-Nguyên-Hãn Nhatrang

Vợ chánh hay thứ Vợ chánh

Người khai Thân-Phi
(Tên, họ)

Tuổi 1934

Nghề-nghiep Nữ-Hộ-Sinh Quốc-Gia

Cư-trú tại 62 Phước-Hải Nhatrang

Ngày khai 26 /06/1970

Người chứng thứ nhất
(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại

Người chứng thứ nhì
(Tên, họ)

Tuổi

Nghề-nghiep

Cư-trú tại

Làm tại Xã Nhatrang Tây, ngày 26 tháng 6 năm 1970

NGƯỜI KHAI,

THÂN-PHI

NHÂN-CHỨNG,



TỈNH Ninh-Thuận

QUẬN Bửu-Sơn

XÃ An-Sơn

Số hiệu 152

☞

KHAI - SANH

Tên họ ấu nhi	LÊ-MẬU-CHÍNH-ĐÔNG
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày hai mươi ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.02.1972)
Tại	Bệnh-Xá Tháp-Chàm
Cha (tên họ)	Lê-Mậu-Đức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Mẹ (tên họ)	Ngô-thị-Phước-Thảo
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Ấp Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai (tên họ)	Lê-Mậu-Đức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Ngày khai	Ngày 10 tháng 03 năm 1972
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Phan - Mót
Tuổi	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 7012
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-dĩnh-Thọ
Tuổi	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Ấp Bảo-An, Ninh-Thuận

Làm tại Xã An-sơn ngày 10 . 03 năm 1972

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân chứng.

Lê-Mậu-Đức (ký tên)

Từ-văn-Cường

Phan-Mót (ký tên)

(ấn ký)

Nguyễn-dĩnh-Thọ (ký tên)

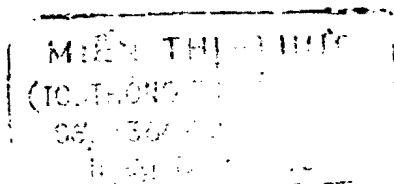
TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xã An-Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch



TỪ-VĂN-CƯỜNG



BỘ NỘI VỤ

-3-

trái cải tạo số 3
số 68.VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

trệt 3, ngày 17 tháng 9 năm 1980

GIẤY TẶNG CẤP LƯƠNG THỰC

Kính gửi : UBND 21 - Đường Độc lập - Thập Châm. Ninh
Thuận, Thuận Hải.

Họ và tên : Lê Mậu Đức

sinh : 1935

quê quán : Quang Trung, Quang Tây.

trú quán : Nhà 21 Đường Độc lập, Thập Châm, Ninh Thuận, Thuận Hải.

Sau được thả ra khỏi trại cải tạo ngày 17 tháng 9 năm 1980
tôi đã cấp lương thực dựa ăn từ ngày 17 tháng 9 năm 1980
đến ngày 23 tháng 9 năm 1980. /.

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực cấp quyền địa
phương nơi ở, cứu giải quyết. /.

T/M Đảng bộ và UBND xã 3



Chức vụ : Nguyễn Văn Tú

CÔNG AN TỈNH THUAN HAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 200 / XC

BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Lê Văn Đức
Sinh năm: 1935 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 21 Độc Lập, Tháp Chàm, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (diện SQ cũ)
Cùng đi có: 5 người

Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

I huân hải, ngày 10 tháng 11 năm 1981

Người nhận

Charles



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION, /

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

LÊ

Last

MẬU

Middle

ĐỨC

First

Current Address 21 ĐỘC LẬP PHAN RANG THÁP CHÀM THUẬN HẢI VN

Date of Birth APRIL 1st 1935 Place of Birth KONTUM

Previous Occupation (before 1975) Captain - Press information officer and chief of II Corps military broadcasting at Qui Nhon
(Rank & Position) (military serial number: 55/104613)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE 26th 1975 To SEPTEMBER 17th 1980

SPONSOR'S NAME:

LÊ MẬU TRUNG THU

Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Lê Mậu Trung Thu

Brother

Lê Mậu Phúc

Brother

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: November 9th 1989

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MẬU ĐỨC
Last (Ten Họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 1st 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM CITY
(Dia chi tai Viet-Nam) THUẬN HẢI PROVINCE, VIỆT NAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : JUNE 26th, 1975 To (Den) : SEPT 17th, 1980
PLACE OF RE-EDUCATION : RE-EDUCATION CAMP NUMBER 3 OF INTERIOR MINISTRY AT NGHỆ TĨNH
CAMP (Trai tu) PROVINCE
PROFESSION (Nghe nghiep) : FARMER
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Captain - PIO and chief of II Corps Military
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Broadcasting at Qui Khon
Service in RVN Army: 14 years Date (nam) : 1962-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 5 persons (1 wife + 4 children)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : LÊ MẬU ĐỨC
21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM CITY, THUẬN HẢI PROVINCE VIỆT NAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro
LÊ MẬU TRUNG THỦ
LÊ MẬU PHÚC
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Brother
NAME & SIGNATURE : LÊ MẬU ĐỨC 21 ĐỘC LẬP STREET, PHANRANG THÁP CHAM CITY, THUẬN HẢI
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT PROVINCE VIỆT NAM
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) chune
DATE : November 9th 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MẬU ĐỨC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGÔ THỊ PHƯỚC THẢO	JAN. 10 th 1939	Wife
2 LÊ HỒNG QUỐC THÀI	JUNE 17 th 1965	Son
3 LÊ MẬU BẢO KỲ	AUG 29 th 1968	Son
4 LÊ HỒNG ĐÔNG PHƯỢNG	JUNE 16 th 1970	Daughter
5 LÊ MẬU CHINH ĐÔNG	FEB 23 th 1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Documents attached to this form :

- 1 Marriage certificate
- 5 birth certificates (of my wife and my 4 children - one for each person)
- 1 Release certificate
- 1 Receipt of Registration for exit-Permit from Vietnamese authorities

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đô.Thành Tỉnh hay
Thành phố NINH-THUAN
Quận BUU-SON
Xã AN-SON

SỐ HIỆU 62

TRÍCH - LỤC
Chứng - Thư Hôn - Thú

Tên họ người chồng LE-MAU-ĐỨC
nghề - nghiệp Quản nhân
sinh ngày 01 tháng 04 năm 1935

tại Trung-Lương, Komtum
cư sở tại -nt-
tạm trú tại K.B.C 4.918

Tên họ cha chồng LE-HÔNG-CẨM
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng DƯƠNG-THỊ-HUON
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NGO-THỊ-PHƯỚC-THẢO
nghề - nghiệp Nội-trợ
sinh ngày 10 tháng 01 năm 1939

tại Đệ nhất Phường, Thừa-Thiên
cư sở tại Thôn Đổ-Vinh, Ninh-Thuan
tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ NGO-ĐÌNH-THIỆU (c)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRẦN-THỊ-THUONG
(Sống chết phải nói)

Ngày mừng ba tháng mười một năm một ngàn
— Ngày cưới chín trăm sáu mươi bốn (03-II-1964)
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế /
ngày / tháng / năm /
tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

XÃ AN-SON, ngày 03 tháng II năm 1964
Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

TRẦN-QUANG-DIỆU

Chân quang diện
Hộ tịch xã An Sơn
5 tháng 11 năm 1964

Phó Đoàn trưởng
Đoàn phụ - Nhung

Nhà in Nghệ - Thương - Phanrang

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ - PHÁP T. N. T. P.

Ngày 7 tháng 10 năm 57

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

KHAI-SANH SỐ 4147



-NGO THI PHUỐC THẢO-

THAT LAC HO TICH

Miên-thuê

Thi-Hành Nê-hi-Định

Số 742-SG

Ngày 17.11.47

Trước-bạ tại Phanrang

Ngày / tháng // năm 1957

Miên-thuê

CHU SI

Ký tên: NGUYEN VAN QUYNH

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng mười
ngày mồng bảy hồi giờ

Chúng tôi PHAN HUY THẠCH Chánh-án Tòa

hòa-giải rộng-quyền Ninh-thuận ngồi tại văn phòng.

Có lục-sự KHA-VAN-EM giúp việc.

Đương-sự Trần-Thị-Thương 45 tuổi, căn-cước

số I2.B.0487 cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955

ngụ tại Làng Đô-Vinh, quận Bàu-sơn, tỉnh Ninh-thuận

đã đến hầu tòa và có dẫn các người chứng sau đây :

1) Trần-Chắc 41 tuổi C.C. số I6.A.0288

cấp tại Minh-Hương ngày 5.8.1955 ngụ tại Minh-Hương

2) Dương-Văn-Hỷ 38 tuổi C.C. số I9.A.0466

cấp tại Đô-Vinh ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

3) Nguyễn-Đình-Khánh 36 tuổi C.C. số 21.A.00281

cấp tại ĐRAN ngày 3.8.1955 ngụ tại Đô-Vinh

Các người chứng đã tuyên-thệ và khai quả quyết biết chắc tên

- NGO-THỊ-PHUỐC-THẢO, con gái, sinh ngày mồng -
Mười, tháng giêng, năm một nghìn chín trăm ba mươi-
chín (10-1-1939) tại Đệ Nhất Phường, tỉnh Thừa-
Thiên (HUẾ) là con của Ông NGO-ĐÌNH-THIỆU (chết)
và bà TRẦN-THỊ-THƯƠNG, vợ chánh.

Và duyên - có mà y không thể sao lục khai-sanh được là vì
Đệ-Nhất-Phường (Thừa-Thiên) thất lạc hồ-tịch

do thời cuộc chiến-tranh.

Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên tôi phát giấy thế
vì khai-sanh này cho người đứng xin là TRẦN THI TRƯỞNG
chiếu theo các điều 47, 48 T.V.H.L.

Các người chứng đã ký tên với tôi cùng viên Lục-sự sau khi
đọc lại biên-bản này.

Lục-sự,

Chánh-án,

Ký tên : KHA-VAN-EM

Ký tên : PHAN HUY THẠCH

Đương-sự và nhân chứng ký tên

TRƯỞNG

CHẠC

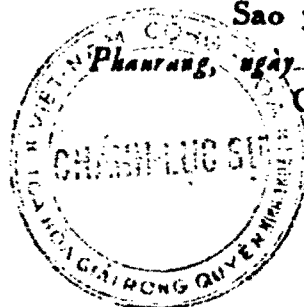
HY

KHÁNH

Sao y chánh bản :

Lệ-phí bản sao Khai-sanh 5\$

N.D. số 236/IP ngày 18-7-1958



Phanrang, ngày 26 tháng 6 năm 1964

Chánh-lục-sự,

-PHAN VAN QUÊ-

Số hiệu

1238

KHAI-SINH

TÊN HỌ ẤU-NHI	LE - HỒNG - QUỐC - THÀI
Phái	Nam
Sanh	Ngày mười bảy tháng sáu năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi lăm (17-6-1965)
Tại	Bệnh viện hộ sinh NHA-TRANG
Cha	LE - MỊU - ĐẮC
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi (30t)
Nghề-nghiep	Quân nhân
Cư-trú tại	K.B.C 4.918
Mẹ	NGO - THỊ - PHƯỚC - THẢO
(Tên, họ)	
Tuổi	Hai mươi sáu tuổi (26t)
Nghề-nghiep	Buôn bán
Cư-trú tại	52 Phước hải (nối dài) NHA TRANG
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh
Người khai	TRINH - THỊ HUONG - LAN
(Tên, họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi (30)
Nghề-nghiep	Nữ hộ sinh Quốc gia
Cư-trú tại	Số 4 Hòn thuyền NHA TRANG
Ngày khai	Ngày 23 tháng 6 năm 1965
Người chứng thứ nhất	
(Tên, họ)	/
Tuổi	
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	/
Người chứng thứ nhì	
(Tên, họ)	
Tuổi	/
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	

Làm tại Xã

Nha trang đông

ngày 23

tháng 6

năm 1965

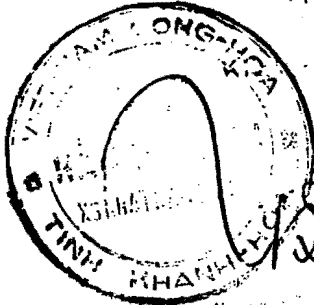
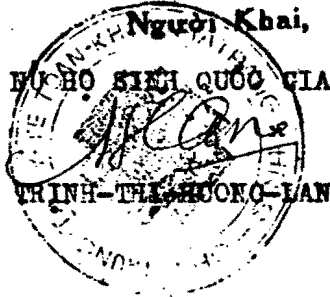
Người Khai,

TRINH - THỊ HUONG - LAN

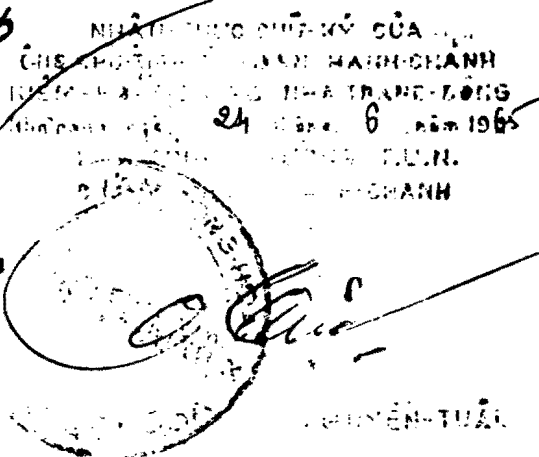
Hộ Lợi,

QUẢN LÝ

Nhân-Chứng.



NGƯỜI ĐĂNG-GIỮ



CHUYÊN-TUẤT

TỈNH NINH-THUẬN
QUẬN ĐU-SON
XÃ AN - SƠN

KHAI - SANH

Số hiệu 673

TÊN HỌ ẤU - NHI	<u>LÊ - MẬU - KỲ</u>
Phái	<u>Nam</u>
Sinh	<u>Hai mươi chín tháng tám Nam một ngàn chín trăm sáu mươi</u>
(Ngày, tháng, năm)	<u>tám (29 - 08 - 1968)</u>
Tại	<u>nhà hộ sinh Thọai-Hương Tháp-Châm, Ninh-Thuận</u>
Cha	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u>
(Tên, họ)	
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Mẹ	<u>NGÔ - THỊ - PHƯỚC - THẢO</u>
(Tên, họ)	
Tuổi	<u>hai mươi chín (29)</u>
Nghề - nghiệp	<u>buôn bán</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Đô-Vinh, Ninh-Thuận</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>CHÁNH</u>
Người khai	<u>LÊ - MẬU - ĐỨC</u>
(Tên, họ)	
Tuổi	<u>ba mươi ba (33)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 3.769</u>
Ngày khai	<u>09 - 09 - 1968</u>
Người chứng thứ nhất	<u>ĐỖ - XINH</u>
(Tên họ)	
Tuổi	<u>ba mươi chín (39)</u>
Nghề - nghiệp	<u>Quân nhân</u>
Cư - trú tại	<u>KBC 4.918</u>
Người chứng thứ nhì	<u>PHẠM - PHẨM</u>
(Tên họ)	
Tuổi	<u>ba mươi mốt (71)</u>
Nghề - nghiệp	<u>làm thuê</u>
Cư - trú tại	<u>Thôn Bão-An, Ninh-Thuận</u>

CÓ BẢN TẠI NHÀ SÁCH THANH-SƠN

Làm tại AN - SƠN, ngày 09 / 09 năm 1968

Người khai,
(ký tên)
LÊ - MẬU - ĐỨC

Hộ lại,
(ký tên và đóng dấu)
SỬ - KỲ - SANG

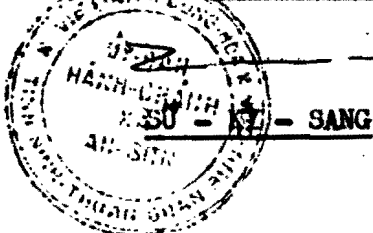
Nhân chứng,
(ký tên)

- 1) - ĐỖ - XINH
- 2) - PHẠM PHẨM

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

AN - SƠN, ngày 9 tháng 9 năm 1968

HỘ TỊCH, XÃ AN - SƠN



NHẬN THỰC CHỮ KÝ CỦA

Ông SỬ - KỲ - SANG

Hộ tịch xã AN - SƠN

THÁP CHÂM, ngày 4 tháng 9 năm 1968

KT. QUẬN TRƯỞNG QUẬN ĐU-SON
PHÓ QUẬN-TRƯỞNG



Số hiệu: 934

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHỊ	LÊ-HỒNG-ĐÔNG-PHƯƠNG
Phái	Nữ
Sinh Ngày	ngày mười sáu, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Ngày, tháng, năm)	mười (16-6-1970) lúc 20g5
Tại	Bảo Sanh Phước-Hải Nhatrang
Cha	Lê-Hậu-Đức
(Tên, họ)	
Tuổi	1935
Nghề-nghiep	Quân nhân
Cư-trú tại	Kbc 4918
Mẹ	Ngô-thị-Phước-Thảo
(Tên, họ)	
Tuổi	1939
Nghề-nghiep	Nội trợ
Cư-trú tại	6B Trần-Nguyên-Hãn Nhatrang
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh
Người khai	Thân-Phi
(Tên, họ)	
Tuổi	1934
Nghề-nghiep	Nữ-Hộ-Sinh Quốc-Gia
Cư-trú tại	62 Phước-Hải Nhatrang
Ngày khai	26 /06/1970
Người chứng thứ nhất	/
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	
Người chứng thứ nhì	/
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	

Làm tại Xã Nhatrang Tây, ngày 26 tháng 6 năm 1970

NGƯỜI KHAI

THÂN-PHI

HỌ TÊN

NHÂN-CHỨNG,



TỈNH Ninh-Thuận

QUẬN Bửu-Sơn

XÃ An-Sơn

Số hiệu 152

☞

KHAI-SANH

Tên họ ấu nhi	LE-MẬU-CHÍNH-DÔNG
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày hai mươi ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.02.1972)
Tại	Bệnh-Xá Tháp-Chàm
Cha (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Mẹ (tên họ)	Ngô-thị-Phước-Thảo
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Ấp Đô-Vinh, Ninh-Thuận
Vợ (chánh hay thứ)	Vợ chánh
Người khai (tên họ)	Lê-Mậu-Dức
Tuổi	Ba mươi bảy tuổi (37)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 4579
Ngày khai	Ngày 10 tháng 03 năm 1972
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Phan - Mót
Tuổi	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề	Quân nhân
Cư trú tại	KBC 7012
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-dĩnh-Thọ
Tuổi	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề	Y-Tá
Cư trú tại	Ấp Bảo-An, Ninh-Thuận

Làm tại Xã An-sơn ngày 10 . 03 năm 1972

Người khai,

Hộ-lai,

Nhân chứng.

Lê-Mậu-Dức (ký tên)

Từ-văn-Cường

Phan-Mót (ký tên)

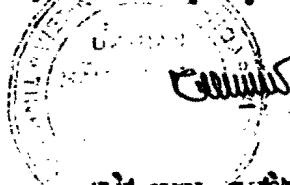
(ấn ký)

Nguyễn-dĩnh-Thọ (ký tên)

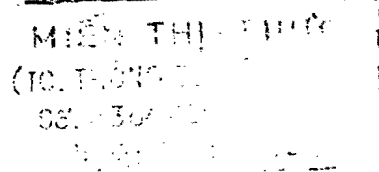
TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xã An-Sơn, ngày 10 tháng 03 năm 1972

Ủy-viên Hộ-Tịch



TỪ-VĂN-CƯỜNG



BO TOI VU

--

trái cải tạo số 3

số 68. /VP

CONG HOA XH NOI CHU NGHIA VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

trên 2, ngày 17 tháng 9 năm 1980

GIẤY TỜ 1 CẤP LƯƠNG THỰC

Kính gửi : UBND 21. đường Đền Lũp - Thập Chanh. Ninh
Thuận, Miền Bắc.

Họ và tên : Lê Mậu Đức sinh : 1935

quê quán : Quang Trung, Quang Trị.

trị quán : Nhà 21 đường Đền Lũp, Thập Chanh, Ninh Thuận, Miền Bắc.

Mày được thả ra khỏi trại cải tạo : Ngày 14 tháng 9 năm 1980
Chúng tôi đã cấp lương, thực phẩm ăn từ ngày 14 tháng 9 năm 1980
đến ngày 23 tháng 9 năm 1980. /

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực cấp kinh phí đi
phương, ngoài, cầu giải quyết. /

T/M 1980 NƠI QUẢN LÝ 3



Thủ trưởng : Nguyễn Văn Chí

CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUỖN

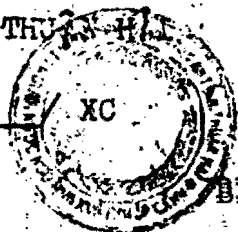
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

200

XC



BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Lê Văn Đức
Sinh năm: 1935 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 21 Độc Lập, Tháp Chàm, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (Liên Xô cũ)
Cùng đi có: 5 người

Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

Thị Huân Hải, ngày 10 tháng 11 năm 1988

Người nhận

CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 200 / XC

-----oOo-----



BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Lê Xuân Đức
Sinh năm: 1935 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 21 Độc Lập, Thập Cham, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (diện SQ cũ)
Cùng đi có: 5 người
Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

Thị trấn Hải, ngày 10 tháng 11 năm 1987

Người nhận

Châu Văn

BO NOI VU

-:-

trái cải tạo số 3

số 68/VF

CONG HOA XH NOI CHU NGHIA VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

trên 3, ngày 17 tháng 9 năm 1980

GIẤY TẢI CẤP TRONG THỜI

Kính gửi : UBND 21 - đường Đỗ Lập - Tháp Chàm. Ninh Thuận, Thuận Hải.

Họ và tên : Lê Mậu Đức

sinh : 1935

quê quán : Quang Trung, Quang Trị.

trú quán : Nhà 21 đường Đỗ Lập, Tháp Chàm, Ninh Thuận, Thuận Hải.

Đã được thả ra khỏi trại cải tạo ngày 17 tháng 9 năm 1980
Chúng tôi đã cấp lương tạo điều kiện ăn từ ngày 17 tháng 9 năm 1980
đến ngày 23 tháng 9 năm 1980.

Vậy chúng tôi đề nghị phòng lương thực cấp quyền địa phương nhận, cứu đói quyết. /.

T/M ĐẢNG BỘ QUẢNG TRỊ SỐ 3



Chức vụ : Nguyễn Văn Cử

From: LE TRUNG



DEC 0 8 1989

To Mrs KHUC MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205

USA

FROM: LE TRUNG



TO MRS KHUC MINH THO

P. O. - Box 5435

ARLINGTON, VA 22205

USA

DEC 1 1989
DEC 1 1989

Lê Mậu Đức
21 Độc Lập
Phan Rang Tháp Chàm
Thước Hải
VN.

R ^A 372



DEC 02 1969

TO MRS KHUC MINH THO
PO BOX 5435
ARLINGTON
VA 22205
U.S.A

909: 27120

MAR 12 1990



FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASS

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA. 22205-0635



Lê Trùng-Vinh

1-4, 1935
